

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ – ST**
Ngày: 14/02/2022
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;

2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 304/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị B, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Trong thời gian chung sống giữa chị và anh Nguyễn Văn H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn H thường xuyên bài bạc, rượu chè, không tu chí làm ăn. Khi vợ con khuyên giải thì anh Nguyễn Văn H đánh đập vợ con. Anh Nguyễn Văn H nhiều lần bỏ nhà đi rồi lại quay về tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Hiện nay, các bên không thể quay lại chung sống nên nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1995, Nguyễn Thị L, sinh năm 1996 và Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998.

Đối với cháu Nguyễn Thị Ch và cháu Nguyễn Thị L đều đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Văn H1 bị hạn chế về mặt nhận thức nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống của chị Vi Thị B. Anh xác nhận anh và chị Vi Thị B không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh và chị Vi Thị B xảy ra mâu thuẫn do chị Vi Thị B ngoại tình, cờ bạc. Nay đôi bên sống không hợp nhau nên đối với yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, anh hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của chị Vi Thị B.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Vi Thị B về con chung.

Đối với cháu Nguyễn Thị Ch và cháu Nguyễn Thị L đều đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh nhất trí không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Đối với cháu Nguyễn Văn H1: Anh thừa nhận cháu Nguyễn Văn H1 bị bệnh não từ nhỏ, không nhận thức được hành vi của mình nên anh đồng ý giao cháu Nguyễn Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1998 cho chị Vi Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H (là bị đơn) vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993. Tuy nhiên do các bên không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H đều thống nhất giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và đều nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B về quan hệ hôn nhân.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H khai nhận vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1995, Nguyễn Thị L sinh năm 1996 và Nguyễn Văn H1 sinh năm 1998. Lời khai của chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Vi Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Văn H1. Xét, Nguyễn Văn H1 sinh năm 1998 đã thành niên. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H đều thừa nhận từ nhỏ Nguyễn Văn H1 bị bệnh não và động kinh. Hiện nay Nguyễn Văn H1 không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, không có khả năng lao động và không tự chăm sóc cho bản thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H thống nhất giao Nguyễn Văn H1 cho chị Vi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của Nguyễn Văn H1 theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao Nguyễn Văn H1 cho chị Vi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn H, chị Vi Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1995, Nguyễn Thị L sinh năm 1996 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự. Không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Theo biên bản hòa giải lập ngày 10 tháng 01 năm 2022 (bút lục số 35) anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Ngày 10 tháng 01 năm 2022, Tòa án giao cho anh Nguyễn Văn H thông báo về việc nộp đơn phản tố lập ngày 10 tháng 01 năm 2022. Tuy nhiên, đến nay anh Nguyễn Văn H không thực hiện theo nội dung thông báo coi như tự từ bỏ việc yêu cầu. Mặt khác, tại biên bản hòa giải lập ngày 25 tháng 01 năm 2022 anh Nguyễn Văn H và chị Vi Thị B đều khai nhận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H, chị Vi Thị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Vi Thị B phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị B. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị B và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998 cho chị Vi Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1995, Nguyễn Thị L sinh năm 1996 đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn H, chị Vi Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H, chị Vi Thị B tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H, chị Vi Thị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 016397 ký ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Ph, huyện B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh